

XÃ HỘI HỌC VỀ TRI THỨC TRONG "HOÀN CẢNH HẬU HIỆN ĐẠI" CỦA J. F. LYOTARD

LÊ NGỌC HÙNG^(*)

Jean Francois Lyotard (1924-1998) là nhà triết học, xã hội học và lý luận văn học người Pháp. Trong hơn 30 cuốn sách của ông, mới chỉ có một cuốn "La Condition Postmoderne" (năm 1979) được dịch và xuất bản sang tiếng Việt, với tiêu đề "Hoàn cảnh hậu hiện đại", do Nxb. Tri thức ấn hành năm 2007, 235 trang. Lyotard viết tác phẩm này từ góc độ của một chuyên gia liên ngành nhưng lại có đóng góp to lớn cho sự phát triển chuyên ngành xã hội học về tri thức không chỉ trong hoàn cảnh hậu hiện đại mà cả trong các hoàn cảnh khác của xã hội loài người^(**).

I. Đối tượng, giả thuyết và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: hoàn cảnh hậu hiện đại của tri thức

Lyotard xác định đối tượng nghiên cứu của ông là "hoàn cảnh của tri thức trong các xã hội phát triển nhất" [53], trong đó có Hoa Kỳ và một số nước phát triển rất cao đạt trình độ "hậu công nghiệp" ở châu Âu. Ông gọi hoàn cảnh đó là "hậu hiện đại" bởi vì "nó chỉ trạng thái của văn hóa sau những biến đổi tác động đến các quy tắc trò chơi của khoa học, văn học và nghệ thuật từ cuối thế kỷ XIX" [53] đến nửa cuối thế kỷ XX.

Theo Lyotard, một khoa học gọi là "hiện đại" khi khoa học đó dựa vào một

đại tự sự nào đó, ví dụ biện chứng của *Tinh thần* mà đại diện tiêu biểu là Hegel để tự hợp thức hóa. Do vậy, Lyotard định nghĩa "hậu hiện đại là sự hoài nghi đối với siêu tự sự" [54]^(***). Ngay từ đầu, khoa học đã mâu thuẫn với các tự sự (récit), tức là các truyện kể mà phần lớn là các truyền thuyết hoang đường (fables), nhưng nó vẫn luôn cần phải viện dẫn các siêu tự sự để tự hợp thức hóa, để tự khẳng định là đúng, là thật.

Hoàn cảnh hậu hiện đại còn bao gồm cả sự khủng hoảng, tan rã của những người mang chức năng tự sự, ví dụ như sự sụp đổ của các thần tượng kể

^(*) GS. TS., Viện Xã hội học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

^(**) Xuất phát từ quan niệm đối tượng của xã hội học là mối quan hệ giữa con người và xã hội có thể định nghĩa: Xã hội học về tri thức là chuyên ngành xã hội học chuyên nghiên cứu quy luật của sự hình thành, vận động, biến đổi và phát triển vị thế và mối quan hệ của tri thức với con người và xã hội. Xem: Lê Ngọc Hùng (1997), "Thủ bản về đối tượng nghiên cứu xã hội học", Tạp chí *Xã hội học*, số 3, tr.94-102.

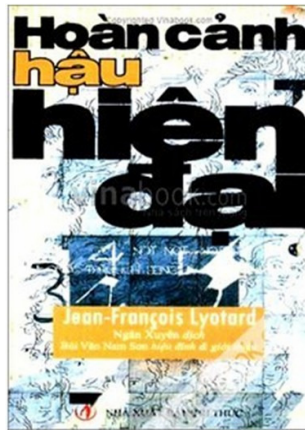
^(***) Mấy năm sau, trong bài viết "Hậu hiện đại là gì" (viết năm 1982, xuất bản năm 1993), Lyotard viết: Hậu hiện đại không phải là hiện đại vào lúc kết thúc của nó mà là hiện đại trong một trạng thái mới sinh, và trạng thái đó luôn tái diễn. Xem: Jean Francois Lyotard (1992), "Answering the question: what is the postmodern?", in *The Postmodern Explained to Children*, Power Publications, Sydney.

cả thần tượng lý luận, nhưng không phải sự vỡ mộng. Hoàn cảnh này dẫn đến một tiêu chí mới để hợp thức hóa, đó là tính hiệu quả [55]. Trong hoàn cảnh như vậy Lyotard đặt ra một loạt vấn đề nghiên cứu là: “một sự hợp thức hóa mối liên kết xã hội, một xã hội công bằng, liệu có thành hiện thực được không theo một nghịch lý tương tự nghịch lý của hoạt động khoa học? Sự hợp thức hóa ấy nằm ở đâu?” [56-57].

Giả thuyết nghiên cứu: sự biến đổi tri thức trong xã hội tin học hóa

Sự biến đổi vị thế của tri thức.

Lyotard nêu rõ giả thuyết nghiên cứu là “tri thức đang thay đổi vị thế ngay khi các xã hội bước vào thời đại gọi là hậu công nghiệp và các nền văn hóa bước vào thời đại gọi là hậu hiện đại” [59].



Sự biến đổi lớn nhất của tri thức có lẽ là ở chỗ “Nó thôi không còn là mục đích riêng đối với chính mình; nó mất đi “giá trị sử dụng” của mình” [64] và chuyển sang mang “giá trị trao đổi” trong sản xuất và tiêu dùng tri thức, tương tự như với rất nhiều lĩnh vực khác của con người. Kế thừa quan niệm của Marx về sự biến đổi tri thức thành lực lượng sản xuất trực tiếp, Lyotard đã chỉ ra tác động của tri thức đối với sự biến đổi cấu trúc nghề nghiệp ở các nước công nghiệp phát triển. Chẳng hạn [65]^(*): tỉ trọng lao động với công việc về kỹ thuật ở Mỹ đã tăng gấp đôi từ 7,5% năm 1950 lên

14,2% năm 1971, trong khi tỉ trọng lao động trong công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ giảm từ 62,5% xuống còn 51,4%.

Sự biến đổi tri thức còn thể hiện ở chỗ nó được lưu thông như tiền tệ trong đó có thể phân biệt hai loại tri thức. Một là tri thức dành cho “người ra quyết định”, “tri thức ra quyết định” và hai là loại tri thức dùng cho đầu tư, tức là “tri thức dùng cho chi trả” [69], trao đổi để duy trì các mối liên kết xã hội trong cuộc sống hàng ngày của con người^(**).

Cách thức biến đổi vị thế của tri thức khoa học. Thomas Kuhn đã phát hiện ra hai con đường phát triển khoa học: một là tích lũy dần về số lượng tri thức và hai là cách mạng, trong đó có sự thay đổi các hệ khái niệm, các lý thuyết lớn. Tuy nhiên, theo Lyotard, tri thức khoa học luôn mâu thuẫn với một loại tri thức khác mà ông gọi là “tri thức tự sự” (savoir narratif) [72], do vậy, khi nghiên cứu sự biến đổi tri thức nói chung cần phải tính đến sự biến đổi vị thế của tri thức khoa học trong mối

^(*) Cuối trang này, trong mục chú giải, Lyotard đã trích dẫn chi tiết một số nhận định của Karl Marx viết năm 1857 - 1858 rằng: Vị thế trụ cột chính của sản xuất và sự giàu có là trí tuệ và “tri thức xã hội chung trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp”. Tuy nhiên, có thể hiểu, cần phải hiểu ý nghĩa của nhận định này là: Thứ nhất, Marx không nói đến (tri thức) khoa học và thứ hai, rất có thể chỉ khi nào tri thức có lẽ gồm cả tri thức tự sự và tri thức khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn theo cách phân loại ngày nay, thành tri thức chung của cả xã hội thì khi đó tri thức mới trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

^(**) Theo Lyotard, tri thức không còn thuộc về “bộ não” hay “tinh thần” của xã hội, tức là không còn thuộc về độc quyền của nhà nước hay một nhóm người mà tri thức thuộc về xã hội, tức là thuộc về tất cả mọi người. Tuy nhiên, Lyotard cho rằng, trên thực tế các nhà nước - quốc gia hiện đại vẫn đang nắm giữ việc sản xuất và phân phối tri thức và khoảng cách giữa các nước phát triển và đang phát triển vẫn tăng lên và người ta có thể đánh nhau vì sở hữu thông tin [66].

quan hệ với tri thức tự sự^(*). Nhưng Lyotard cũng cho rằng, từ thời Plato, vấn đề hợp thức hóa của khoa học đã gắn liền với vấn đề hợp thức hóa của nhà lập pháp. Tức là, quyền ra quyết định cái gì là đúng thật (vrai) gắn liền với quyền ra quyết định cái gì là công chính (juste). Trong xã hội hậu hiện đại, theo Lyotard, vấn đề hợp thức hóa của tri thức khoa học là vấn đề hợp thức hóa kép (đúng thật/công chính) và mối quan hệ của tri thức với quyền lực là hai mặt của một vấn đề chính quyền, tức là quyền lực [74-75]^(**).

Phương pháp nghiên cứu: phân tích trò chơi ngôn ngữ

Lyotard chọn phương pháp phân tích các *sự kiện ngôn ngữ* hay “các trò chơi ngôn ngữ” [74-75] theo cách gọi của Wittgenstein, bởi vì mỗi một loại phát ngôn đòi hỏi một loại quy tắc chuyên biệt mà mỗi người cần phải tuân thủ khi tham gia trò chơi phát ngôn đó. Như vậy, phương pháp này đòi hỏi phải phân tích làm rõ, ví dụ, luật chơi hay quy tắc chơi, người tham gia cuộc chơi và đối tượng chơi, người phát, người nhận và vật quy chiếu. Khi áp dụng phương pháp này, Lyotard dựa vào hai nguyên lý: thứ nhất, phát ngôn là đấu tranh, mỗi một hành vi ngôn ngữ là một sự đối chọi, ganh đua không nhất thiết là để thắng đối thủ mà có khi chỉ là để “nói vui”, “nói chơi” và cao hơn nữa là để thắng được thứ ngôn ngữ đã xác lập nhờ vậy mà ngôn ngữ phát triển. Thứ hai, có thể quan sát và phân tích được mối liên kết xã hội trên các nước cờ (coups) ngôn ngữ, các hành vi ngôn ngữ, các phát ngôn của các bên tham gia cuộc chơi ngôn ngữ [80-81].

II. Chức năng xã hội của tri thức

Bản chất của đoàn kết xã hội từ góc độ tiếp cận chức năng và mâu thuẫn

Lyotard cho rằng, có hai mô hình tiếp cận xã hội cần được tham khảo một cách có phê phán. Một là mô hình xã hội - chức năng với đại diện tiêu biểu là Talcott Parsons, tác giả của Lý thuyết hệ thống, và hai là mô hình xã hội - mâu thuẫn với đại diện tiêu biểu là Karl Marx, tác giả của chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong đó nhấn mạnh đấu tranh giai cấp [82]^(***). Tương ứng với hai mô hình này là hai loại tri thức: một là tri thức thực chứng dễ dàng áp dụng vào thực tiễn và sẵn sàng biến thành lực lượng sản xuất trực tiếp cần thiết cho sự vận hành có hiệu quả của cả hệ thống xã hội. Hai là tri thức phê phán, phản tư kháng cự lại mọi sự “tái thu hồi” vào trong hệ thống khi bằng cách này hay cách khác đặt ra các câu hỏi đối với các giá trị hay các mục đích của xã hội [91]. Một cách tương ứng, các mối liên hệ xã hội hay “đoàn kết xã hội”^(****) theo cách gọi của Emile Durkheim cũng phân hóa thành hai loại nhưng không phải là thành đoàn kết vô cơ và hữu cơ mà thành, một là liên kết xã hội kiểu chức năng, hợp tác và hai là liên kết xã hội

(*) Lyotard phát hiện thấy hai vấn đề: một là khoa học không còn là một nghề nghiệp hấp dẫn đối với sinh viên như trước kia nữa với biểu hiện là ngày càng ít người theo đuổi công việc nghiên cứu khoa học. Hai là vấn đề hợp thức hóa tri thức khoa học: câu hỏi trở nên cấp thiết là *một phát ngôn phải thỏa mãn các điều kiện nào để trở thành một phát ngôn khoa học?* Đã có ý kiến rằng đó là điều kiện về sự nhất quán nội tại và về sự kiểm chứng bằng thực nghiệm theo kiểu thực chứng luận.

(**) Điều này gợi nhớ đến ý tưởng: Chân lý thuộc về kẻ mạnh.

(***) Chú giải của Lyotard cho biết là, ngay sau khi lý thuyết của Parsons xuất hiện đã có một số nỗ lực đặt đối lập vừa tìm cách dung hòa mô hình chức năng với mô hình mâu thuẫn về xã hội. Nhưng đến nay vẫn có một số sinh viên không biết điều này nên ra sức coi hai mô hình này là đối lập nhau.

(****) Xem: Emile Durkheim (1893), *The division of labor in society*, Macmillan Press, London.

kiểu mâu thuẫn, đấu tranh mà việc lựa chọn kiểu này và coi nhẹ kiểu kia đều gây ra vấn đề hệ thống đòi hỏi phải có giải pháp khác có tính chất cách mạng. Cả hai mô hình đều có vấn đề về sự biến đổi xã hội. Với mô hình chức năng, xã hội không đơn giản cứ biến đổi theo kiểu tiến hóa dưới hình thức tăng trưởng kinh tế đều đặn được “nhà nước phúc lợi” bảo hộ, bởi vì các cuộc khủng hoảng kinh tế liên tục diễn ra từ năm 1960 đến nay cho thấy mô hình này có nhiều điều bất ổn chưa giải quyết được. Tương tự, mô hình xã hội - mâu thuẫn cũng có vấn đề khi một số quốc gia theo đuổi mô hình này đã đưa cả xã hội đến chế độ toàn trị, ở đó cuộc đấu tranh giai cấp vốn được coi là động lực của sự phát triển xã hội bị biến thành cuộc trấn áp của đa số đối với thiểu số^(*).

Bản chất của đoàn kết xã hội từ góc độ tiếp cận hậu hiện đại

Lyotard quả quyết rằng ông không theo cách tiếp cận hiện đại, tức là không theo cách lựa chọn chức năng hay mâu thuẫn, mà đưa ra cách tiếp cận mới phù hợp với hoàn cảnh hậu hiện đại. Để làm điều này, Lyotard chỉ ra một số biến đổi xã hội quan trọng cần tính đến như sự thay đổi chức năng của nhà nước trong đó chức năng điều tiết, tái sản xuất vừa bị chuyển một phần sang máy móc tự động nhờ sự tiến bộ của khoa học, công nghệ và tin học và một phần được chuyển sang các chuyên gia thuộc các lĩnh vực khác nhau^(**). Một biến đổi khác đặc trưng cho hoàn cảnh hậu hiện đại là sự nhạt nhòa dần các nhân vật vĩ đại, sự mất thiêng của các nhân vật được thần thánh hóa, sự phân rã của các đại tự sự. Thay cho hệ thống quy chiếu chặt chẽ với một vài trục số, trên đó có sẵn những cột mốc đánh dấu từng bước đi, là các loại hệ quy chiếu với các loại trục số phức tạp và luôn biến đổi, kể cả sự

biến đổi mục đích sống, hệ giá trị ở đó “mỗi người đều biết cái *mình* này là nhỏ nhoi” [94], nhưng mỗi người cũng đều có cơ hội để có thể lóe sáng, nổi tiếng dù là chốc lát trong thế giới của họ, trong hệ trục quy chiếu của họ. Đoàn kết xã hội vì thế cũng bị tan rã và mỗi cá nhân trở nên nhỏ bé và chuyển động, di động trong các hệ thống, các mạng lưới quan hệ phức tạp mà mỗi một điểm nút của mạng lưới xã hội là một vị trí giao cắt của các luồng thông tin mà mỗi cá nhân có thể cùng lúc đóng vai người nhận, người phát, người chuyển giao và điểm quy chiếu [95]^(***). Như vậy, giải pháp hậu hiện đại để xem xét bản chất các mối liên kết xã hội đòi hỏi phải viện dẫn lý thuyết thông tin, lý thuyết truyền thông và lý thuyết trò chơi, nhất là trò chơi ngôn ngữ [99].

Tri thức bị phân hóa thành tri thức tự sự và tri thức khoa học, do vậy trò chơi ngôn ngữ cũng phân hóa thành hai loại: Trò chơi ngôn ngữ tự sự dựa vào quy tắc dụng học là người tham gia cuộc

^(*) Xem thêm: F. A. Hayek (2009), *Đường về nô lệ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

^(**) Lyotard còn chỉ ra một biến đổi ở tầng lớp chóp bu trong cấu trúc xã hội, ở đó giai cấp lãnh đạo đang và sẽ là giai cấp ra quyết định tức là quản trị, quản lý chứ không còn là giai cấp chính trị truyền thống chỉ lãnh đạo. Giai cấp lãnh đạo mới này được tạo bởi một tầng lớp hỗn hợp gồm doanh nhân, quan chức cao cấp, viên chức cao cấp, những thủ lĩnh của các tổ chức chính trị, nghề nghiệp, công đoàn, tôn giáo lớn. Quan niệm của Lyotard về giai cấp lãnh đạo như vậy có lẽ phù hợp với hoàn cảnh hậu hiện đại diễn ra ở các nước công nghiệp phát triển và cả một số nước khác, nơi giai cấp lãnh đạo cũng không nhất thiết được hình thành từ những người nắm giữ tư liệu sản xuất cơ bản của xã hội. Điều này cũng có nghĩa là mô hình xã hội - mâu thuẫn có thể phải tính đến một cấu trúc xã hội phân tầng theo nhiều tiêu chí khác nhau.

^(***) Chú giải của Lyotard cho biết là một số nhà lý thuyết hệ thống xem xã hội dưới dạng hệ thống hiểu theo nghĩa điều khiển học và hệ thống là mạng lưới của những giao tiếp.

chơi có thể đóng vai người phát, người nhận và nhân vật sao cho quyền chiếm giữ một trong các vị trí đó, ví dụ vị trí “người phát”, được dựa trên một thực tế kép là trước đó đã từng chiếm một vị trí khác: “người nghe”. Công thức dụng học này thể hiện rõ qua cách “chơi”, ví dụ cách mở đầu và kết thúc câu chuyện của một người kể chuyện trong bộ lạc ở Ấn Độ như sau: “Đây là chuyện về... Tôi đã nghe nó từ lâu lắm rồi. Bây giờ đến lượt tôi kể chuyện này cho các người, hãy lắng mà nghe”. Và người này kết thúc câu chuyện bằng một quy tắc dụng học của tri thức tự sự hay một quy tắc của trò chơi ngôn ngữ tự sự là: “Chuyện về... đến đây là hết. Người kể nó cho các người nghe là...” [109-110]. Qua đó, Lyotard cho thấy, truyện kể, tức là các tự sự gắn liền với nó, là tri thức tự sự có khả năng quy định hay hợp thức hóa thẩm quyền ba mặt của các cá nhân: biết nói, biết nghe, biết làm trong các quan hệ với cộng đồng và với môi trường xung quanh. Điều này có nghĩa là, các quy tắc của trò chơi ngôn ngữ tự sự là các quy tắc tạo nên mối liên kết xã hội [112] hay “đoàn kết xã hội”. Tri thức tự sự vừa tạo ra các quy tắc, vừa đảm bảo các quy tắc đó được ghi nhớ, được thực hiện bằng cách trình bày, thể hiện, biểu diễn dưới nhiều hình thức rất phong phú, đa dạng sao cho cả tri thức tự sự và các quy tắc của trò chơi ngôn ngữ tự sự được thực hành đồng thời được hợp thức hóa để tạo ra, vận hành và củng cố các mối quan hệ xã hội^(*).

III. Sự biến đổi vị thế của tri thức khoa học

Nghiên cứu khoa học

Theo Lyotard, tri thức khoa học được sản xuất ra trong trò chơi nghiên cứu khoa học và được lưu truyền trong trò chơi giáo dục - đào tạo. Trong cả hai trò chơi này, vị thế của tri thức khoa học đều

bị thách thức bởi vấn đề hợp thức hóa: có đúng không? Có thật không? Ví dụ, trước đây, Plato đã sử dụng cách kể chuyện, các “đối thoại” để tạo ra sự đồng thuận, tức là hợp thức hóa cùng một lúc trò chơi nghiên cứu và trò chơi giảng dạy. Từ đó đến nay các nhà khoa học vẫn tiếp tục sử dụng các đối thoại, các cuộc trả lời phỏng vấn và các truyện kể về diễn ngôn khoa học trên các phương tiện truyền thông đại chúng để tạo ra sự đồng thuận. Nhưng khoa học ở thế kỷ XIX sử dụng giải pháp kiểm chứng (verification), còn khoa học ở thế kỷ XX gọi là sự kiểm sai (falsification - tạm dịch là phản chứng) với cùng một mục tiêu là làm cho người phát và người nhận đồng thuận với nhau [119].

Nhưng, sự đồng thuận của ai và như thế nào? Câu trả lời từ cách tiếp cận hiện đại là sự *đồng thuận* của các *chuyên gia* trong quá trình *thảo luận* trên cơ sở, mà trong triết học là dựa vào các đại tự sự nặng về chính trị hay triết học, ví dụ như bộ Bách khoa toàn thư của Hegel và trong khoa học tự nhiên là các bằng chứng. Tuy nhiên, khi xã hội biến đổi mạnh, câu trả lời cũng thay đổi, ví dụ sự đồng thuận không còn bó hẹp trong phạm vi nhóm chuyên gia mà mở rộng sang các chủ thể có tên gọi là “nhân dân” với nhận thức và phương tiện được tin học hóa. Khoa học, công nghệ và tin học phát triển làm thay đổi mối tương quan mục đích và phương tiện theo cách mà Marx đã chỉ ra là sự tiến bộ của một xã hội không chỉ ở chỗ sản xuất ra cái gì mà sản xuất bằng cách nào, như thế

^(*) Có thể lấy ví dụ về một quy tắc xuất hiện nhân vật trong một vở chèo của Việt Nam: Một nhân vật mới bắt đầu cuộc chơi đều bằng cách này hay cách khác phải xưng danh, đơn giản nhất là hỏi: Tôi ra đây có phải xưng danh không nhỉ? Và theo quy tắc, bao giờ cũng có tiếng đồng thanh trả lời của những người tham gia cuộc chơi là: Không xưng danh thì ai biết là ai.

nào, với phương tiện gì. Trong hoàn cảnh hậu hiện đại đã xuất hiện sự “giải hợp thức hóa” (delegitimation) đối với tri thức khoa học và sự “tản mát hóa” (dissemination hay phân tán hóa) theo đó các chủ thể xã hội cũng bị phân hóa, phân tán và các mối liên kết xã hội được dệt lên và hòa nhập vào vô số các trò chơi ngôn ngữ cũ và mới, trong đó có cả những trò chơi ngôn ngữ máy, ngôn ngữ của mã di truyền và ngày nay là ngôn ngữ số hóa có khả năng thu hút sự tham gia của công chúng trong các trò chơi thực tế và trò chơi ảo trên khắp toàn cầu.

Thực ra, giải hợp thức hóa không có nghĩa là không cần hợp thức hóa mà là từ bỏ cách hợp thức hóa dựa vào chỉ một số các đại tự sự và các truyện kể kiểu trước đây. Mà giải hợp thức hóa đối với cách làm cũ kể cả các biện pháp hiện đại. Lyotard viện dẫn Wittgenstein và Habermas, những người đã đề xuất một số giải pháp mới cho việc hợp thức hóa tri thức trong hoàn cảnh hậu hiện đại. Theo đó, khoa học phải chơi trò chơi ngôn ngữ của mình, trò chơi với thứ ngôn ngữ do chính nó tạo ra là truyền thông đại chúng bằng các phương tiện ngôn ngữ mới mà Habermas gọi là “tương tác truyền thông” (interaction communicationnelle/ communication interaction) [163]. Hiện nay, tin học hóa xã hội đã làm xuất hiện các trò chơi ngôn ngữ số^(*), trò chơi trực tuyến với các vị trí người phát ảo và người nhận ảo, và tương ứng trong hoàn cảnh như vậy cũng xuất hiện các loại quan hệ xã hội trực tuyến, quan hệ xã hội ảo mà những quan hệ mới này không thể không làm biến đổi các quan hệ xã hội cũ và vị thế cũ của tri thức.

Vị thế của tri thức khoa học cũng thay đổi dưới hai hình thức chủ yếu là phong phú hóa các lập luận và phức tạp

hóa cách tiến hành các chứng minh^(**), do đó vấn đề hợp thức hóa của tri thức khoa học cũng phải thay đổi. Trước kia Aristote, Descartes, J. Stuart Mill và một số người khác đã đề xuất một số quy tắc dựa vào đó một phát ngôn có ý nghĩa sở thị có thể đạt được sự đồng thuận của người nhận. Ngày nay, nghiên cứu khoa học sử dụng một loại “siêu ngôn ngữ đó là ngôn ngữ của logic học” [166] để hợp thức hóa tri thức do nó tạo ra. Nhưng một số biến đổi mới đã ảnh hưởng mạnh đến cách hợp thức hóa này. Lyotard nêu ra việc Godel đã phát hiện ra trong hệ thống số học có một số loại mệnh đề không chứng minh được nhưng cũng không bác bỏ được ở bên trong hệ thống. Điều này có nghĩa là, một tri thức được coi là đúng là thật thì người ta đã giả định rằng hệ thống quy tắc, tiên đề của nó đã được xác định và có thể được chứng minh là đã có kể cả khi chúng không thể chứng minh được nhưng cũng không thể bác bỏ được và đã được các bên tham gia trò chơi biết đến và chấp nhận. Điều này cũng có nghĩa là khoa học biến đổi theo hai cách như Thomas Kuhn đã nêu^(***):

^(*) J. F. Lyotard chưa sử dụng những thuật ngữ này.

^(**) Tác phẩm này của Lyotard là một ví dụ: các lập luận rất phong phú và các chứng minh rất phức tạp với rất nhiều các từ liệu, bằng chứng thể hiện qua hơn 230 các chú giải ở các trang sách. Các bài viết trên tạp chí khoa học chuyên ngành ví dụ như xã hội học cũng theo xu hướng này: ngày càng phong phú và phức tạp.

^(***) Thomas Kuhn nghiên cứu lịch sử của khoa học và phát hiện ra sự phát triển bằng tích lũy khoa học dẫn đến khoa học chuẩn định (bình thường) và phát triển bằng cách mạng khoa học dẫn đến khoa học mới với việc bác bỏ lý thuyết cũ và chấp nhận lý thuyết mới, thay thế hệ hình, mẫu hình cũ bằng hệ hình, mẫu hình mới (paradigm). Tuy nhiên, có thể hiểu phát triển bằng tích lũy và phát triển bằng cách mạng là hai mặt của sự phát triển về lượng và chất của khoa học. Xem: Thomas Kuhn (1962, 1970, 1996), *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*, Nxb. Tri thức, 2008.

một là phát triển các tri thức mới với tư cách là các “nước đi” (các lập luận mới) tức là kiểu tích lũy tri thức trong một loại trò chơi với những quy tắc đã biết. Hai là tạo ra các quy tắc mới và thay đổi trò chơi, thậm chí là phát triển trò chơi mới, tức là tạo ra các cuộc cách mạng đối với cả khuôn mẫu/hệ hình/bộ máy khái niệm của tri thức khoa học.

Một biến đổi khác là sự phức tạp hóa cách thức chứng minh, cách trình bày các chứng cứ nhằm mục đích tạo được sự đồng thuận của người nhận thông điệp. Lúc đầu việc trình bày chứng cứ chủ yếu dựa vào các công cụ trực tiếp là các giác quan như mắt nhìn, tai nghe, tay sờ nhưng các giác quan dễ bị đánh lừa. Nhưng sau này đã xuất hiện các công cụ, phương tiện, kỹ thuật trợ giúp cho các giác quan sinh học như kính hiển vi và các máy thu nhận, đo lường các dữ liệu, phản ứng. Việc sử dụng các kỹ thuật này tuân theo một quy tắc tối ưu hóa hiệu quả: tăng đầu ra, ví dụ thu được nhiều thông tin, và giảm đầu vào, ví dụ giảm tiêu hao năng lượng. Từ đây, vị thế của tri thức khoa học và vấn đề hợp thức hóa tri thức không chỉ là chuyện đúng/sai như trong trò chơi sỏ thị, hay phải/trái như trong trò chơi chỉ thị mà ở hiệu quả thực hiện, tức là ở mối tương quan giữa khoa học và kỹ thuật. Từ đó không chỉ vị thế của tri thức khoa học mà cả mối liên kết xã hội cũng thay đổi theo hướng dựa vào yếu tố kỹ thuật và quy tắc hiệu quả/không hiệu quả. Khoa học phụ thuộc vào kỹ thuật mà kỹ thuật phụ thuộc vào nguồn đầu tư, do đó việc khoa học trở thành lực lượng sản xuất đến mức độ nào là phụ thuộc vào động cơ làm giàu thúc đẩy đầu tư phát triển kỹ thuật như thế nào.

Trong hoàn cảnh hậu hiện đại, việc hợp thức hóa tri thức có thể được thực hiện thông qua nhiều loại ngôn ngữ,

nhiều hệ thống quy tắc, nhiều hệ thống tiên đề, định đề (hiểu theo cả nghĩa là các yêu cầu). Trong hoàn cảnh đó, những gì mà khoa học cổ điển và khoa học hiện đại coi là nghịch lý, nghịch biện (paralogie) lại trở nên có sức thuyết phục mới và được sự ủng hộ của các chuyên gia [170].

Giáo dục - đào tạo

So với trò chơi nghiên cứu khoa học, trò chơi giáo dục giải quyết vấn đề hợp thức hóa tri thức khoa học có vẻ thuận lợi, bởi vì người dạy có chuyên môn và có thẩm quyền để đưa ra bằng chứng, đồng thời người học sẵn sàng chấp nhận, tiếp thu để tạo ra sự đồng thuận và sự hợp thức hóa trở nên dễ dàng hơn khi người học được tham gia vào trò chơi (tự) nghiên cứu khoa học với sự hướng dẫn của người dạy. Trò chơi giáo dục nói chung và vị thế của tri thức khoa học trong giáo dục nói riêng cũng phụ thuộc vào yếu tố kỹ thuật và yếu tố hiệu quả với một loạt các thay đổi. Ví dụ, trước kia nơi truyền bá tri thức khoa học là trường phổ thông, còn ngày nay, tức là bắt đầu từ những năm 1970, giáo dục đại học mới là nơi chủ yếu thực hiện chức năng này để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Ví dụ, trước kia hiệu quả có nghĩa là người học hoàn thành tốt chương trình học tập và nhà trường tuyển sinh, đào tạo được nhiều, nhanh, tốt, rẻ. Ngày nay, hiệu quả giáo dục được đối sánh từ nhiều phía: nhà trường, người học, các gia đình, đặc biệt là doanh nghiệp sử dụng người tốt nghiệp đại học. Tuy nhiên, cả nghiên cứu khoa học và giáo dục - đào tạo đều phải đối mặt vấn đề “bán được” [192]^(*) sản phẩm,

(*) Hiện nay nhiều người người theo tư duy quản lý giáo dục kiểu quan liêu bao cấp vẫn không thừa nhận giá trị trao đổi của tri thức khoa học và gắn liền với nó là không thừa nhận thị trường giáo dục - đào tạo.

hàng hóa trên một thị trường ngày càng được mở rộng.

Đối với sự đoàn kết xã hội, thông qua việc truyền bá tri thức khoa học, giáo dục góp phần chuyển giao các quy tắc trò chơi để người học làm quen và có khả năng tham gia được các cuộc chơi tức là tham gia vào các mối liên kết xã hội. Với cách giáo dục dựa vào nghiên cứu khoa học, người học không chỉ ghi nhớ và lặp lại các nước đi, tức là các cách làm đã biết, mà còn có khả năng tạo ra những cách làm mới, đồng thời sáng tạo ra những quy tắc mới, trò chơi mới. Như vậy, tri thức khoa học góp phần khai hóa, chuyển giao, củng cố, phát triển các mối liên kết xã hội đã có, hiện có và sản xuất, sáng tạo ra các mối liên kết xã hội mới một cách có hiệu quả.

Tri thức khoa học từ hiện đại đến hậu hiện đại và từ xác định đến bất định

Khoa học hiện đại dựa vào quyết định luận và triết học thực chứng về tính hiệu quả. Khi xảy ra khủng hoảng, tức là khi xuất hiện những điều bất ổn, thì thay vì cách làm hiện đại là tìm kiếm những điều ổn định là cách làm hậu hiện đại: tìm kiếm những điều bất ổn định, bất định^(*) - không phải là tìm ra các chứng cứ mà là phát minh ra các phản ví dụ, những cái không hiểu được, không phải tìm ra lập luận logic mà là tìm ra các nghịch lý, nghịch biện. Lyotard nêu ra một loạt các phát hiện khoa học về những điều bất ổn định trong toán học, vật lý học, sinh vật học, tâm lý học và một số lĩnh vực nghiên cứu khác để đi đến kết luận rằng [213-214]: “Khoa học hậu hiện đại xây dựng lý thuyết tiến hóa riêng của mình như là sự phát triển đứt đoạn, tai biến, không sửa chữa được, nghịch lý. Nó thay đổi ý nghĩa của từ “tri thức” và nói bằng cách nào sự thay đổi đó có thể diễn

ra. Nó sản sinh ra không phải cái đã biết mà cái chưa biết”, nó không tạo ra mô hình hiệu quả nhất mà là mô hình của sự khác biệt nhất như là “nghịch biện học” (Paralogie).

Khoa học hậu hiện đại liên quan gì đến các liên kết xã hội? Câu trả lời là tương tự như việc tạo ra những ý tưởng mới từ những trò chơi mới, tri thức khoa học hậu hiện đại cũng góp phần tạo ra những mối liên kết mới hay ít nhất là làm mới các mối liên kết xã hội theo những cách mà chính khoa học cũng không thể đoán định trước được. Sức sống và sức hấp dẫn của các quan hệ xã hội và cả khoa học có lẽ xuất từ chính điều này: điều bất định.

Tri thức khoa học không còn tập trung tìm kiếm những điều ổn định mà tìm kiếm những điều bất ổn định, và tương ứng nó không còn chỉ dựa vào sự đồng thuận để hợp thức hóa mà là sự bất đồng thuận (dissentiment). Mối quan hệ của đồng thuận và bất đồng thuận có vẻ tương tự như mối quan hệ giữa thống nhất và mâu thuẫn: “đồng thuận chỉ là một trạng thái của tranh luận chứ không phải là mục đích của nó. Mục đích của nó đúng ra là sự nghịch biện” [230-231]. Một trạng thái khác phổ biến hơn của tranh luận là bất đồng thuận. Tại sao sự hợp thức hóa thông qua nghịch biện lại được chấp nhận và trở thành xu hướng phát triển của khoa học? Câu trả lời không đơn giản là sự đồng thuận đã trở thành một giá trị lỗi thời và đáng ngờ mà là sự hợp thức hóa

^(*) Mới đây đã xuất hiện một số sách về quá trình biến đổi khoa học như vậy, ví dụ như cuốn sách của F. David Peat (2005), *Từ xác định đến bất định: những câu chuyện về khoa học và tư tưởng của thế kỷ 20*, Nxb. Tri thức, Hà Nội. Có thể chú ý một chi tiết trong tên cuốn sách này: Tác giả của nó có lẽ vẫn phải dựa vào tri thức tự sự (những câu chuyện) để hợp thức hóa những gì ông trình bày trong sách.

thông qua nghịch biện đảm bảo cho việc từ bỏ sự khủng bố đặc trưng cho loại hệ thống đóng, khép kín, ổn định, hiệu quả, đồng thời đảm bảo cho việc sản sinh ra những ý tưởng mới, phát ngôn mới tức là những mối liên kết xã hội mới.

Tóm lại

Sự biến đổi vị thế của tri thức trong hoàn cảnh hậu hiện đại diễn ra nhanh, mạnh và sâu rộng đến mức nào còn tùy thuộc vào quá trình tin học hóa xã hội^(*). Lyotard dự báo hai khả năng [233]: Một là, tin học hóa có thể trở thành công cụ kiểm soát, điều chỉnh các loại hệ thống từ thị trường đến tri thức theo nguyên tắc hiệu quả và khi đó nó tất yếu đưa đến khủng bố^(**). Hai là, tin học hóa xã hội có thể phát triển theo hướng hỗ trợ các bên tham gia các cuộc chơi với thông tin đầy đủ tại thời điểm xét đến và khi đó “Một nền chính trị sẽ được hình thành, trong đó *khát vọng công bằng và khát vọng cái chưa biết* sẽ được tôn trọng như nhau” [235]. Ông đề xuất một nguyên tắc rất đơn giản để có thể bắt quá trình tin học hóa xã hội theo xu hướng thứ hai: “đó là *công chúng được tự do truy cập các kho lưu trữ và các ngân hàng dữ liệu*” [233-234]^(***).

Như vậy, giả thuyết nghiên cứu của Lyotard đã được làm sáng tỏ^(****): Vị thế tri thức nói chung và tri thức khoa học nói riêng biến đổi mạnh mẽ trong các xã hội bước vào thời kỳ hậu công nghiệp và văn hóa chuyển sang thời kỳ hậu hiện đại. Cách tiếp cận xã hội học của Lyotard về tri thức cho thấy, khoa học không chỉ trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp mà còn là một lực lượng tái sản xuất xã hội thể hiện ở việc làm thay đổi bản chất các mối liên kết xã hội, đoàn kết xã hội bao gồm cả việc phát triển một kiểu quan hệ mới giữa quyền

lực và tri thức theo nguyên tắc chấp nhận sự khác nhau và tôn trọng nhau □

^(*) Xem thêm: Michel Beaud (2000), *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr.356, 433-436.

^(**) Có vẻ như dự báo này của Lyotard đã được chứng nghiệm phần nào nếu như không phải là sự trùng lặp ngẫu nhiên khi khủng bố quốc tế đã bắt đầu xảy ra ở một số nước công nghiệp phát triển cao nhất với mức độ tin học hóa thuộc loại hàng đầu thế giới.

^(***) Lyotard dành gần cả một trang sách để chú giải nguyên tắc này. Qua đó có thể hiểu rằng, vào những năm 1970, trên thế giới, một số nước công nghiệp phát triển đã đặt ra vấn đề tự do và tin học và đó là chuyện rất không đơn giản vì nó liên quan đến pháp luật, quyền lực của nhà nước và quyền của công dân trong việc tiếp cận, thu thập, sử lý, phân tích, lưu giữ, sử dụng, chuyển giao thông tin. Hiện nay, tin học hóa xã hội đã lan sang các nước khác kể cả những nước đang phát triển và chậm phát triển. Ở Việt Nam, Dự thảo Luật Tiếp cận thông tin được bắt đầu xây dựng từ năm 2009 và dự kiến được thông qua năm 2013.

^(****) Giả thuyết của Lyotard về sự biến đổi vị thế của tri thức trong các xã hội phát triển đã được kiểm chứng để có thể chấp nhận nhưng cũng gợi ra không ít vấn đề cần thảo luận về tri thức trong xã hội ngày nay. Ví dụ, nhà xã hội học Helga Nowotny và các đồng sự mới nêu yêu cầu phải tư duy lại vị thế của khoa học bởi vì nhiều biến đổi mới báo hiệu sự ra đời của “khoa học bối cảnh hóa”, “khoa học nhạy cảm với bối cảnh” hay khoa học trong bối cảnh áp dụng. Điều này cho thấy rõ thêm đóng góp to lớn của Lyotard đối với việc phát triển xã hội học về tri thức với đối tượng nghiên cứu là quy luật của sự hình thành, vận động và biến đổi mối quan hệ của tri thức (khoa học) với xã hội và con người.